

BÁO CÁO

Sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025

Sở Nông nghiệp và PTNT nhận được Công văn số 1672/SKHĐT-THQH, ngày 31/5/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc báo cáo sơ kết thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Sở Nông nghiệp và PTNT Báo cáo kết quả thực hiện như sau:

PHẦN I ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

I. KẾT QUẢ THAM MƯU, TRIỂN KHAI

1. Công tác tham mưu

Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu cho Tỉnh ủy, UBND ban hành các văn bản sau:

- Chương trình hành động số 20-Ctr/TU, ngày 27/02/2023 của Tỉnh ủy Cao Bằng về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Kế hoạch số 09-KH/BCĐ, ngày 24/3/2022 của Ban Chỉ đạo thực hiện các nội dung đột phá thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 về thực hiện nội dung đột phá về nông nghiệp theo hướng nông nghiệp thông minh và nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa đặc hữu gắn với chế biến giai đoạn 2022 - 2025. Trên cơ sở đó tham mưu cho Trưởng Tiểu Ban thực hiện nội dung đột phá về nông nghiệp ban hành các Kế hoạch thực hiện nội dung đột phá về nông nghiệp theo hướng nông nghiệp thông minh và nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa đặc hữu gắn với chế biến năm 2022, năm 2023 (tại Kế hoạch số 853/KH-TBNN, ngày 12/4/2022; Kế hoạch số 827/KH-TBNN, ngày 11/4/2023).

- Kế hoạch số 825/KH-UBND, ngày 08/4/2022 của UBND tỉnh Cao Bằng về thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Công tác chỉ đạo, điều hành

Hàng năm, Sở đã triển khai tới toàn thể công chức, viên chức, người lao động về Nghị Quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực

hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước; Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; các Nghị quyết của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; Quyết định của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Trên cơ sở các văn bản giao chỉ tiêu thực hiện phát triển kinh tế - xã hội của Trung ương, của HĐND, UBND tỉnh, Sở đã ban hành các Kế hoạch, văn bản chỉ đạo để thực hiện nhiệm vụ của ngành như sau:

- Chỉ đạo người dân quan tâm chăm sóc, thu hoạch cây trồng đảm bảo cây trồng sinh trưởng và phát triển tốt, cho năng suất cao; rà soát, dự báo tình hình sâu bệnh trong thời gian sắp tới để kịp thời có phương án đối phó, loại trừ. Rà soát diện tích đất nông nghiệp chưa sử dụng hoặc sử dụng kém hiệu quả để chuyển đổi sang cây trồng khác cho năng suất và hiệu quả kinh tế cao hơn.

- Tổ chức tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi, đặc biệt là dịch tả lợn Châu phi địa bàn tỉnh; phát triển đàn lợn, trâu bò đảm bảo an toàn sinh học.

- Kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh giống cây trồng, phân bón tại các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh đồng thời chỉ đạo các cơ sở, địa phương cung ứng đầy đủ kịp thời các loại giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y... phục vụ sản xuất.

- Thực hiện kế hoạch đảm bảo nước tưới phục vụ sản xuất; thường xuyên theo dõi diễn biến thời tiết và kiểm tra nguồn nước tại các hồ chứa, sông, suối, khe lạch để điều chỉnh cơ cấu cây trồng phù hợp. Đôn đốc xây dựng các hạng mục công trình xây dựng mới, sửa chữa nâng cấp công trình thủy lợi đúng tiến độ để đưa vào khai thác sử dụng, phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Tăng cường công tác bảo vệ và phát triển rừng, phòng chống cháy rừng, xử lý nghiêm vi phạm pháp luật về lâm nghiệp.

- Hỗ trợ các dự án trọng điểm của tỉnh như: dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh; dự án chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa công nghệ cao tỉnh Cao Bằng; các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh có nội dung liên quan đến lĩnh vực nông, lâm nghiệp. Tham mưu thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện.

- Tham mưu trình ban hành các Nghị quyết liên quan đến lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản, xây dựng nông thôn mới. Hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển nông lâm nghiệp thuộc các Chương trình MTQG.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XIX, NHIỆM KỲ 2020 - 2025

1. Kết quả thực hiện nội dung đột phá về nông nghiệp thông minh, theo hướng sản xuất hàng hóa đặc hữu gắn với chế biến giai đoạn 2022 - 2025

- Trong tháng 6/2022, UBND tỉnh Cao Bằng đã tổ chức Hội nghị quán triệt nội dung đột phá nông nghiệp, thành phần tham dự gồm 40 đại biểu của các sở,

ngành, UBND các huyện, thành phố và 10 đại biểu là đại diện các doanh nghiệp, nhà đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp.

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể trên từng lĩnh vực với kết quả thực hiện như sau:

+ Đối với lĩnh vực trồng trọt: Cây Lê trồng mới được 149,95ha, tương ứng 46,9% KH giai đoạn, nâng tổng diện tích cây Lê toàn tỉnh lên 484,3ha; cây Dẻ trồng mới được 159,38ha, tương ứng 22,8% KH giai đoạn, nâng tổng diện tích cây Dẻ toàn tỉnh lên 714,05ha; cây Thạch đen trồng mới được 193,5ha, tương ứng 38,7% KH giai đoạn, nâng tổng diện tích toàn tỉnh lên 579ha; cây Thuốc lá trồng mới được 815,08ha, tương ứng 81,5% KH giai đoạn, nâng tổng diện tích toàn tỉnh lên 3.763,5ha.

+ Đối với lĩnh vực chăn nuôi đã hỗ trợ làm chuồng trại chăn nuôi trâu bò được 2.990 chuồng, tương ứng 33,7% KH giai đoạn; hỗ trợ mua 2.383 con giống lợn thịt, tương ứng 23,8% KH giai đoạn; hỗ trợ trồng cỏ chăn nuôi 74,2ha, tương ứng 29,7% KH giai đoạn; hỗ trợ triển khai Dự án chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa công nghệ cao tại huyện Quảng Hoà, đến nay chủ đầu tư đã tiến hành san lấp mặt bằng được 90%, dự kiến tháng 11/2023, sẽ triển khai xây dựng trang trại.

+ Đối với lĩnh vực lâm nghiệp: Cây Hồi trồng mới được 1.382ha, đạt 276,6% KH giai đoạn, nâng tổng diện tích toàn tỉnh lên 7.516,9ha; Cây Quế trồng mới được 2.719,09ha, đạt 151,1% KH giai đoạn, nâng tổng diện tích toàn tỉnh lên 5.183,33ha ; cây Mắc ca trồng mới được 76,16ha, tương ứng 12,7% KH giai đoạn, nâng tổng diện tích toàn tỉnh lên 134,56ha; cây Trúc sào trồng mới được 87,2ha, tương ứng 7,3% KH giai đoạn, nâng tổng diện tích toàn tỉnh lên 4.354,19ha.

- Đã tham mưu UBND tỉnh phê duyệt 02 dự án, gồm:

+ Dự án xây dựng khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao do Sở Khoa học và Công nghệ làm chủ đầu tư, tổng vốn đầu tư 16,5 tỷ đồng, địa điểm xây dựng tại xã Lê Chung, huyện Hòa An. Đến nay, đang thực hiện thi công các hạng mục công trình Nhà ở cán bộ, Nhà sản xuất giống thực vật bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào, Nhà trực kỹ thuật, Kho. Dự kiến hoàn thành tất cả các hạng mục vào Quý II năm 2024.

+ Dự án đầu tư phát triển nông nghiệp thông minh do Sở nông nghiệp và PTNT làm chủ đầu tư, tổng vốn đầu tư 2 tỷ đồng, địa điểm thực hiện tại xã Bạch Đằng, huyện Hòa An. Đến nay, đã hoàn thành xây dựng nhà ươm giống cây trồng, hệ thống tường rào; đang tiến hành hạng mục lắp đặt thiết bị để sớm đưa dự án vào hoạt động. Tổng vốn đã giải ngân 596,666 triệu đồng, dự kiến hoàn thành giải ngân trong quý III năm 2023.

- Từ năm 2020 đến nay, đã thực hiện 254.467,8 triệu đồng. Trong đó, ngân sách nhà nước 54.583,4 triệu đồng, nguồn từ người dân và doanh nghiệp 199.851,1 triệu đồng.

2. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội

- Tốc độ tăng trưởng lĩnh vực nông nghiệp cả giai đoạn ước đạt 3,05% (trong

đó, năm 2021 đạt 3,07%; năm 2022 đạt 3,0%; năm 2023 ước đạt 3,1%). So với giai đoạn 2016 - 2020, tốc độ tăng trưởng bình quân ngành nông nghiệp đã có sự tiến bộ (trung bình tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2016 - 2020 đạt 2,25%).

- Tổng sản lượng lương thực trung bình năm ước đạt 295,4 nghìn tấn, đạt 103,8% KH giai đoạn.

- Giá trị sản xuất đến năm 2023 ước đạt 46 triệu/ha, đạt 100% Kế hoạch; tăng 06 triệu đồng so với năm 2020.

- Tỷ lệ hộ dân cư nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đến năm 2023 ước đạt 93%, đạt 100% Kế hoạch; tăng 3% so với năm 2020.

- Tỷ lệ che phủ rừng: Năm 2021, chỉ tiêu là 56,54%, kết quả đạt 55,88%, không đạt chỉ tiêu; năm 2022, chỉ tiêu là 57,19%, kết quả đạt 56%, không đạt chỉ tiêu; năm 2023, chỉ tiêu là 57,83%, đang thực hiện, cuối năm mới đánh giá, tuy nhiên khả năng sẽ không đạt.

- Về chỉ tiêu xây dựng Nông thôn mới “Đến hết năm 2025, số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đạt 50 xã; trong đó: 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao”. Đến thời điểm tháng 6/2023, tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới 17 xã, với mục tiêu phấn đấu đến năm 2025 có 50/139 (36%) xã đạt chuẩn và 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao rất khó đạt mục tiêu đề ra.

- Tổng số hộ thực hiện di dời gia súc ra khỏi gầm sàn nhà đến hết năm 2023 ước được 6.685/6.634 hộ, đạt 100,8% KH giai đoạn 2021 - 2023.

3. Kết quả thực hiện chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp

- Tỷ trọng ngành nông nghiệp trong tổng cơ cấu các ngành kinh tế của tỉnh đang giảm dần theo đúng tinh thần của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, trong đó tỷ trọng nông nghiệp năm 2020 là 23,09%; năm 2021 là 22,68; năm 2022 là 22,08%.

- Tỷ trọng các ngành nội nghiệp trong lĩnh vực cũng có sự thay đổi, trong đó giảm dần tỷ trọng lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi, tăng dần tỷ trọng các ngành lâm nghiệp và dịch vụ nông nghiệp. Cụ thể năm 2020, tỷ trọng các ngành trồng trọt (59,13%), chăn nuôi (28,67%), dịch vụ nông nghiệp (2,28%), lâm nghiệp (9,03%), thủy sản (0,35%) thì đến năm 2023, tỉ trọng các ngành trồng trọt (58,8%), chăn nuôi (28,5%), dịch vụ nông nghiệp (2,9%), lâm nghiệp (9,4%), thủy sản (0,4%).

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Thuận lợi

- Luôn nhận được sự chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời về chuyên môn của Bộ Nông nghiệp và PTNT; sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; sự phối hợp chặt chẽ của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và sự chung sức, đồng hành của doanh nghiệp và bà con nông dân, kết quả sản xuất tăng dần qua các năm.

- Các chính sách khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ nông dân đầu tư vào nông nghiệp như Nghị quyết số 48/2020/NQ-HĐND, ngày 16/12/2020 của

HĐND tỉnh ban hành quy định chính sách hỗ trợ phát triển nông lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, Nghị quyết số 28/2018/NQ-HĐND, ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng... được triển khai có hiệu quả.

2. Kết quả đạt được

- Tốc độ tăng trưởng lĩnh vực nông nghiệp tăng trưởng đều, trung bình đạt trên 3%/năm.

- Tổng sản lượng lương thực có hạt tăng trưởng mạnh so với giai đoạn 2016 - 2020; một số loại cây trồng cho giá trị kinh tế cao như: mía, thuốc lá, sắn, hồi, quế, thạch đen được quan tâm phát triển. Giá trị sản xuất trồng trọt, thủy sản đến năm 2023 ước đạt 46 triệu/ha đem lại thu nhập ổn định hơn cho người dân.

- Tổng đàn vật nuôi và sản lượng thịt hơi xuất chuồng tăng so với thời điểm cuối năm 2020, đặc biệt đàn lợn tăng lớn; tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc cơ bản đã được kiểm soát, người dân đã có kinh nghiệm trong việc phòng chống dịch bệnh; số vật nuôi bị mắc bệnh và tiêu hủy giảm đáng kể so với giai đoạn trước.

- Công tác bảo vệ và phát triển rừng được đẩy mạnh; đã phát hiện, ngăn chặn và xử lý nhiều trường hợp vi phạm Luật Lâm nghiệp kịp thời.

- Công tác xây dựng nông thôn mới: Đời sống của người dân và cơ sở hạ tầng vùng nông thôn được cải thiện; các Sở, ngành đã tích cực hướng dẫn, phối hợp và hỗ trợ các địa phương trong quá trình thực hiện các tiêu chí nông thôn mới.

3. Khó khăn, tồn tại

- Công tác trồng trọt bảo vệ thực vật: Tình hình sản xuất vẫn nhỏ lẻ, manh mún, thiếu ổn định; kỹ thuật canh tác nông nghiệp còn nhiều hạn chế, bón phân chưa cân đối, đầy đủ; việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mới, công nghệ tiên tiến có hiệu quả vào sản xuất chưa nhiều.

- Công tác chăn nuôi và thú y: Tình hình dịch bệnh trên đàn vật nuôi chưa được kiểm soát triệt để, vẫn xảy ra tình trạng dịch bệnh bùng phát và lây lan tại một số địa phương. Công tác tiêm phòng cho đàn vật nuôi chưa đạt Kế hoạch chỉ tiêu do lực lượng thú y viên xóm còn thiếu hoặc trình độ chuyên môn chưa đáp ứng yêu cầu công việc. Vẫn xảy ra tình trạng gia súc chết do đói rét vì người dân chưa chú trọng dự trữ thức ăn mùa đông cho gia súc; công tác vệ sinh chuồng trại tại một số địa phương còn yếu kém.

- Công tác phát triển thủy sản còn mang tính chất nuôi thả, chưa có sự đầu tư thâm canh, nên năng suất thấp, thời gian nuôi kéo dài, hiệu quả kinh tế chưa cao.

- Công tác trồng rừng mới tập trung gặp nhiều khó khăn, chậm tiến độ. Các vụ vi phạm về Luật Lâm nghiệp còn xảy ra. Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều hạn chế.

- Đối với mục tiêu xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 phần lớn là các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số

và miền núi, theo quy định về phân bổ nguồn vốn NSTW không được chùng lãn địa bàn, nội dung hỗ trợ giữa các Chương trình MTQG, vì vậy phần lớn việc thực hiện các tiêu chí nông thôn mới ở các địa phương này chủ yếu từ nguồn lực của 02 Chương trình MTQG (Phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi, Giảm nghèo bền vững); tuy vậy, việc thực hiện các nội dung, hợp phần của 2 chương trình này rất khó để ưu tiên hay lồng ghép thực hiện tiêu chí nông thôn mới.

- Hệ thống văn bản pháp lý, văn bản hướng dẫn thực hiện các Chương trình MTQG ở cấp Trung ương chậm được ban hành; một số văn bản sau khi ban hành đã phát sinh vướng mắc, bất cập so với thực tế; một số văn bản hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu, tiêu chí nông thôn mới của các bộ, ngành còn chưa cụ thể hoặc một số chỉ tiêu khó thực hiện ở một số địa bàn.

- Nguồn kinh phí Nhà nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới rất hạn chế so với mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Nguồn lực huy động tại chỗ gặp khó khăn, đặc biệt là nguồn huy động đóng góp từ các tổ chức doanh nghiệp và nhân dân.

PHẦN II KẾ HOẠCH THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2024 - 2025

I. CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ XÃ HỘI CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2025

1. Tổng sản phẩm (GRDP) nông lâm ngư nghiệp tăng trưởng 3,1%;
2. Giá trị sản xuất nông nghiệp ước đạt 50 triệu đồng;
3. Tỷ lệ che phủ rừng ước đạt 60%;
4. Phần đầu đến năm 2025 có 50 xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao;
5. Tỷ lệ dân cư nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh ước đạt 95%;
6. Đến hết năm 2025 phần đầu 100% số hộ chăn nuôi đưa gia súc ra khỏi gầm sàn nhà.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tiếp tục truyền truyền, phổ biến, quán triệt các nội dung về định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh như: Chương trình hành động số 20-CTr/TU, ngày 27/02/2023 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch số 825/KH-UBND, ngày 08/4/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch số 09-KH/BCĐ, ngày 24/3/2022 của Ban Chỉ đạo thực hiện các nội dung đột phá thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 về thực hiện nội dung đột phá về nông nghiệp theo hướng nông nghiệp thông minh và nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa đặc hữu

gắn với chế biến giai đoạn 2022 - 2025 bằng nhiều hình thức để phổ biến sâu rộng đến toàn thể người dân và các tổ chức, doanh nghiệp.

2. Tập trung hoàn thiện Quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 để làm định hướng cho các cấp, các ngành tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

3. Tập trung đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng: Tiếp tục thu hút, khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng quy mô lớn, tập trung, ứng dụng công nghệ cao, kỹ thuật tiên tiến; thực hiện liên kết từ đầu tư sản xuất cho đến bao tiêu sản phẩm. Chuẩn hóa chất lượng sản phẩm theo các tiêu chuẩn nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ bền vững hướng tới xuất khẩu ra các thị trường trong và ngoài nước.

4. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung hoặc ban hành mới các cơ chế, chính sách đảm bảo phù hợp với điều kiện của tỉnh; chú trọng các cơ chế chính sách khuyến khích thu hút các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ thông minh, công nghệ cao vào sản xuất.

5. Tăng cường lồng ghép các nguồn lực đầu tư cho nông nghiệp; huy động, bố trí, lồng ghép các nguồn vốn từ ngân sách trung ương như các Chương trình MTQG, các chương trình hỗ trợ có mục tiêu, các nguồn vốn vay... các chính sách của tỉnh về hỗ trợ phát triển nông nghiệp để thực hiện hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch.

6. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn. Xây dựng các hệ thống cơ sở dữ liệu về nông nghiệp. Hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã quảng bá các sản phẩm nông sản trên các trang thương mại điện tử.

7. Hỗ trợ thành lập mới hợp tác xã tại các huyện, thành phố; củng cố hoạt động các hợp tác xã trung bình, yếu kém; hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường cho các hợp tác xã trong và ngoài tỉnh; triển khai thực hiện các chính sách, chương trình, dự án cho các hợp tác xã tham gia; tổ chức thực hiện tốt Tiêu chí số 13 trong Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới để xây dựng các hợp tác xã hoạt động hiệu quả góp phần tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

Trên đây là Báo cáo Sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 của Sở Nông nghiệp và PTNT./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, KHTC (Nghĩa).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thái Hà

Phụ lục: Các chỉ tiêu chủ yếu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, giai đoạn 2021 - 2023

Chỉ tiêu	ĐVT	NQĐH XIX	Năm 2021	Năm 2022	6 tháng 2023	Bình quân 2021 - 2023	Chỉ tiêu đạt NQĐH	Ghi chú
Đến hết năm 2025, giá trị sản phẩm nông, lâm, thủy sản trên 1 đơn vị diện tích (ha)	Triệu đồng	50	42	44	44			Chỉ tiêu này được đánh giá vào cuối năm
Số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	Xã	50 xã; trong đó đạt nâng cao 10 xã	17	17	17			
Tỉ lệ che phủ rừng	%	60	55,88	56	56			Chỉ tiêu này được công bố vào đầu năm sau
Số hộ chăn nuôi đưa gia súc ra khỏi gầm sàn nhà ở	Hộ	9.917	2.651	2.239	75			
Số dân cư nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh	%	95	91	92	92			Chỉ tiêu này được đánh giá vào cuối năm